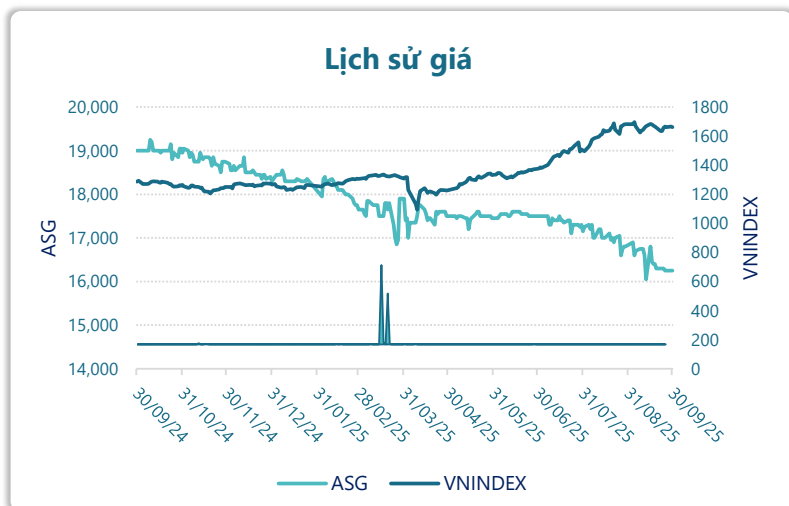


CTCP Tập đoàn ASG (HSX: ASG)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	16,250
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	19,250
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	16,050
SL cổ phiếu LH	90,784,669
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,560
% sở hữu nước ngoài	0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,475
P/E	22.7
EPS	715

DT thuần
Q3/25

661

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 119 | 22.0%

YoY: ▲ 196 | 42.2%

LN sau thuế
Q3/25

46.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 18.1 | 64.0%

YoY: ▲ 30.3 | 188%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25

10.3%

+/- YoY: ▲ 2.9%

DT thuần
9T 2025

1,697

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 308 | 22.2%

LN sau thuế
9T 2025

99.0

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 51.9 | 110%

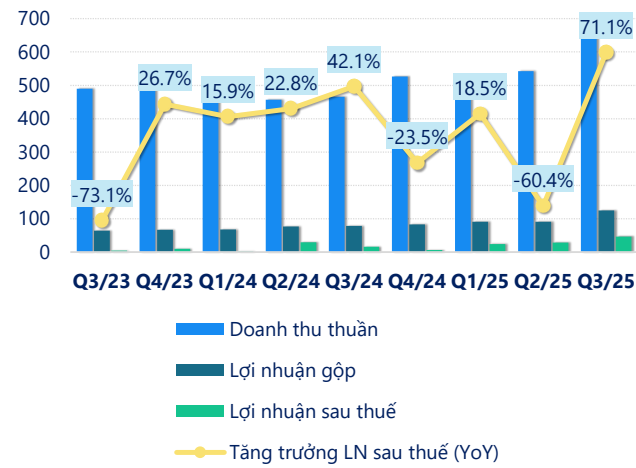
ROE
Q3/25

3.1%

+/- YoY: ▲ 1.4%

tỷ VNĐ

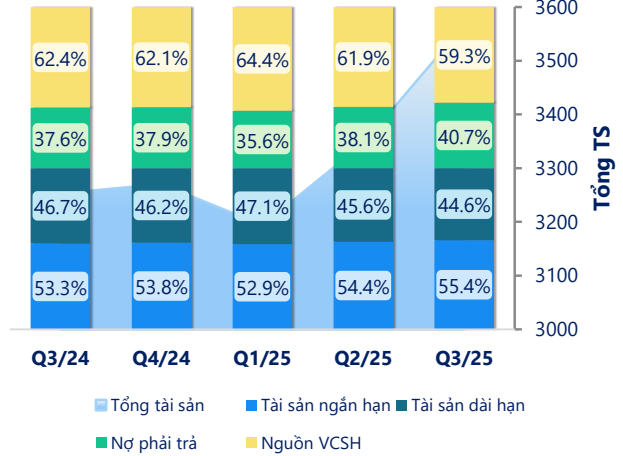
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

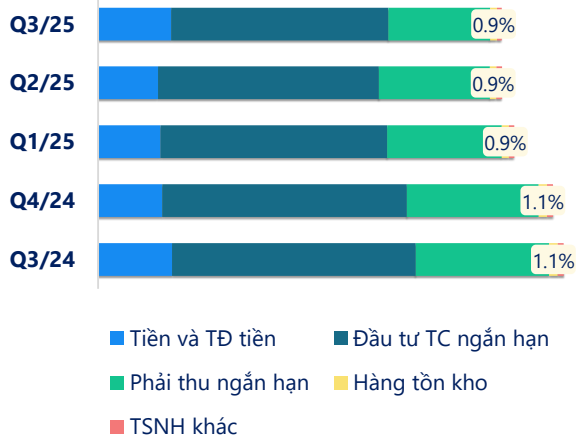
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



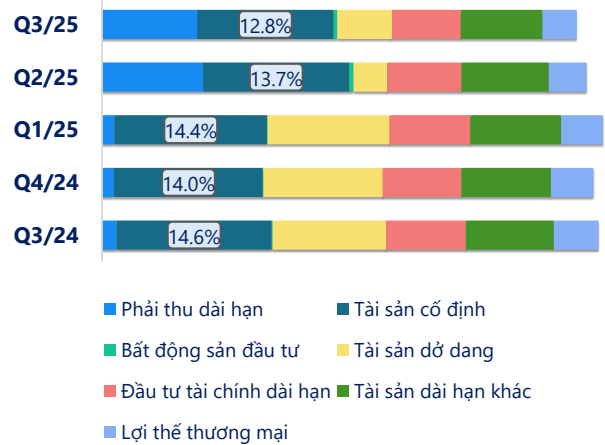
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

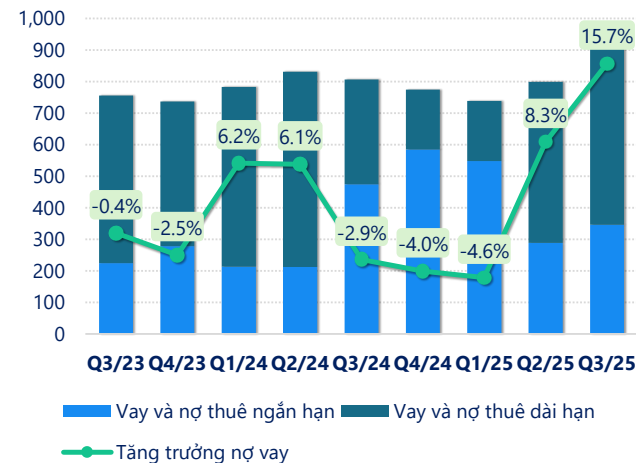
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

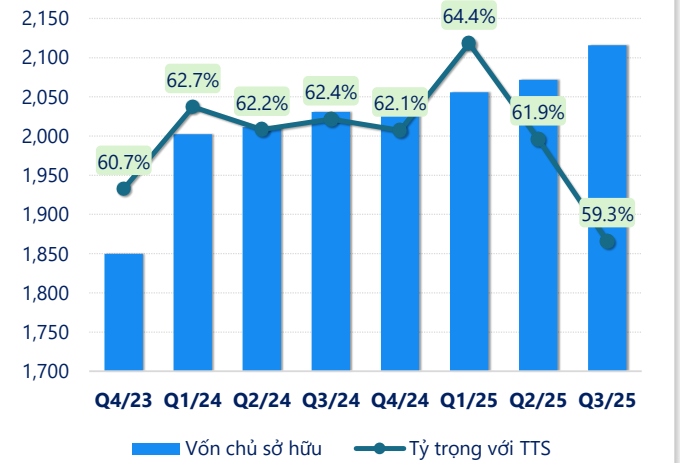
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

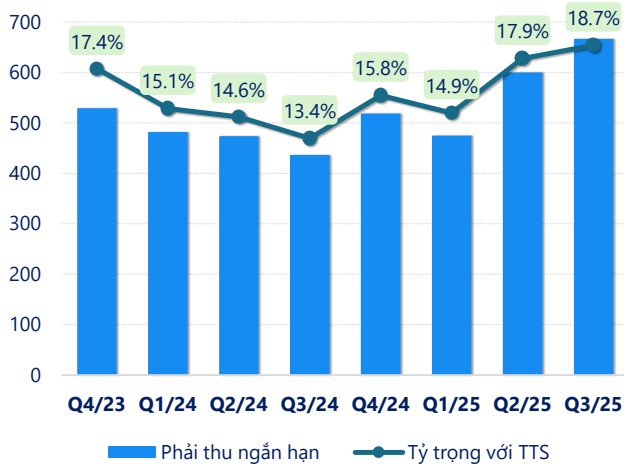
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



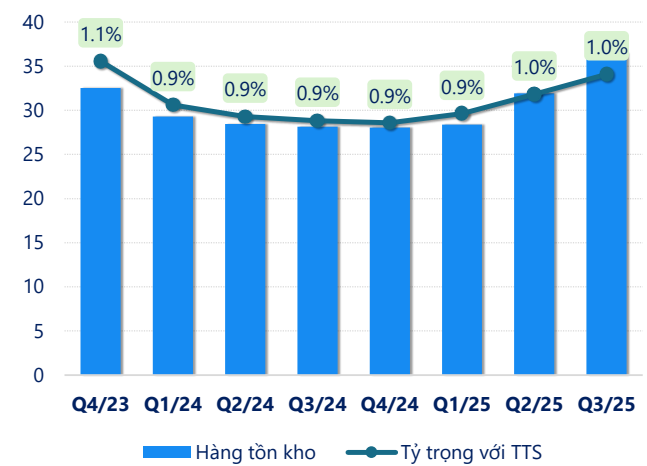
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


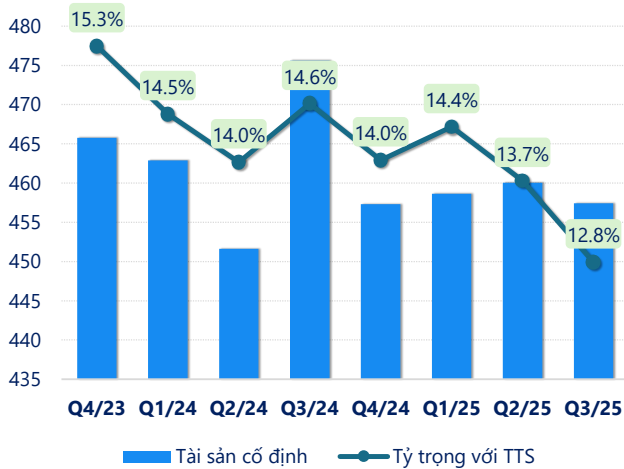
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


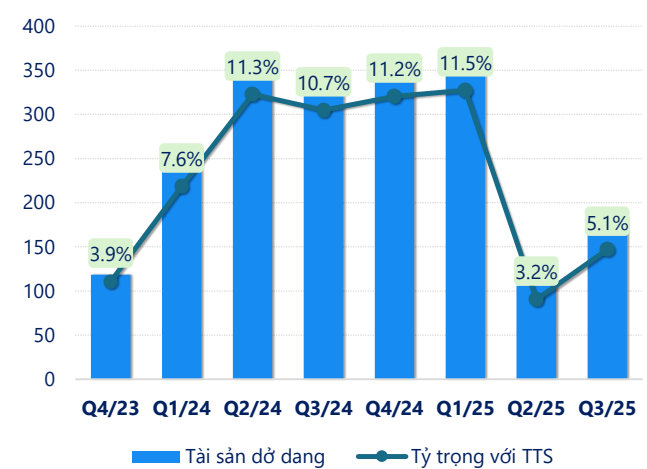
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

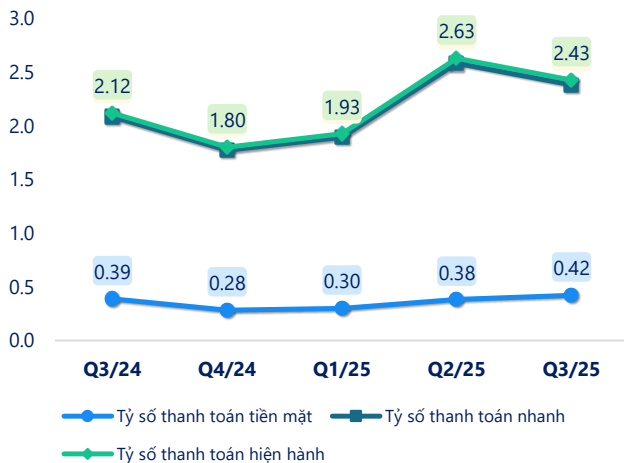
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

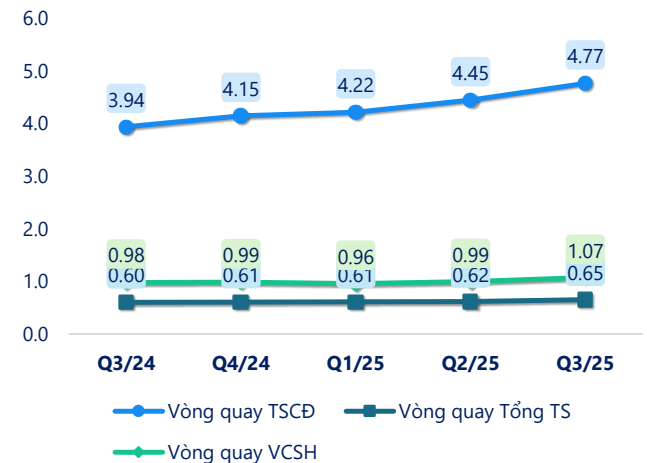
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	3,253	3,271	3,194	3,346	3,567
Tài sản ngắn hạn	1,734	1,759	1,689	1,821	1,975
Tiền và tương đương tiền	317	276	262	264	342
Đầu tư tài chính ngắn hạn	931	917	905	901	903
Phải thu ngắn hạn	436	518	475	600	666
Hàng tồn kho	28.1	28.0	28.4	31.9	36.5
Tài sản ngắn hạn khác	21.5	19.5	19.3	23.2	25.9
Tài sản dài hạn	1,519	1,512	1,505	1,525	1,592
Phải thu dài hạn	44.2	37.4	37.4	318	319
Tài sản cố định	476	457	459	460	457
Bất động sản đầu tư	2.07	1.86	1.65	13.2	12.4
Tài sản dở dang	347	367	366	106	183
Đầu tư tài chính dài hạn	244	242	243	233	231
Tài sản dài hạn khác	270	275	273	275	275
Lợi thế thương mại	137	131	125	120	114
Nợ phải trả	1,222	1,238	1,138	1,274	1,451
Nợ ngắn hạn	818	977	877	693	814
Vay và nợ thuê ngắn hạn	474	584	548	289	346
Phải trả người bán ngắn hạn	197	255	204	226	264
Nợ dài hạn	404	261	261	581	637
Vay và nợ thuê dài hạn	332	190	190	511	578
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,031	2,033	2,056	2,072	2,116
Vốn chủ sở hữu	2,031	2,033	2,056	2,072	2,116
Vốn điều lệ	908	908	908	908	908
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)